3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng CP (để báo cáo);
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng Bộ KH&CN;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo VPCP;
- Cổng thông tin điện tử Bộ KH&CN;
- Vụ Pháp chế (để kiểm tra);
- Lưu: VT, TĐC, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lê Xuân Định

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 25:2025/BKHCN

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ THIẾT BỊ ĐIỆN DÙNG CHO LẮP ĐẶT ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH VÀ HỆ THỐNG ĐIỆN TƯƠNG TỰ

National technical regulation on electrical equipment for household electrical installations and similar electrical systems

HÀ NỘI – 2025

Lời nói đầu

QCVN 25:2025/BKHCN do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống điện tương tự biên soạn, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số 01/TT-BKHCN ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ THIẾT BỊ ĐIỆN DÙNG CHO LẮP ĐẶT ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH VÀ HỆ THỐNG ĐIỆN TƯƠNG TỰ

National technical regulation on electrical equipment for household electrical installations and similar electrical systems

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này quy định các yêu cầu về an toàn và quản lý đối với các thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống điện tương tự được quy định trong các Danh mục tại Phụ lục A và Phụ lục B của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này (sau đây gọi tắt là Danh mục thiết bị điện). Mã HS của các thiết bị điện tại Phụ lục A và Phụ lục B theo quy định tại Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022 của Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn kỹ thuật này chỉ bao gồm các loại thiết bị điện được thiết kế để lắp đặt trong hệ thống phân phối điện đến 440 V xoay chiều của các công trình dân dụng.

Các loại thiết bị điện sau không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này:

- Các thiết bị điện phòng nổ quy định tại Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
- Ổ cắm điện, phích cắm điện, bộ chuyển đổi ổ cắm, bộ dây nguồn nối dài có dòng điện danh định lớn hơn 32 A;
- Công tắc điện có dòng điện danh định lớn hơn 20 A;
- Các loại công tắc điện được thiết kế để lắp đặt trong thiết bị điện;
- Áptômát có dòng điện danh định lớn hơn 63 A;
- Các thiết bị điện không thuộc phạm vi áp dụng của các tiêu chuẩn tương ứng nêu trong Danh mục thiết bị điện.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thiết bị điện, các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

1.3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh: Tổ chức, cá nhân thực hiện việc sản xuất, nhập khẩu, bán thiết bị điện.

1.3.2. Tổ chức chứng nhận được chỉ định: Tổ chức chứng nhận được chỉ định theo quy định tại Nghị định số 132/2008/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.

1.3.3. Tổ chức thử nghiệm được chỉ định: Tổ chức thử nghiệm được chỉ định theo quy định tại Nghị định số 132/2008/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.

1.3.4. Phương thức đánh giá sự phù hợp: Các phương thức đánh giá sự phù hợp theo quy định của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

1.3.5. Thiết bị điện: Là các thiết bị được liệt kê trong Danh mục thiết bị điện.

1.3.6. Thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống điện tương tự: Thiết bị điện được thiết kế để lắp đặt trong hệ thống phân phối điện xoay chiều của các công trình dân dụng như nhà ở, cửa hàng, công trình công cộng.

1.3.7. IEC Test Report Form: Biểu mẫu kết quả thử nghiệm theo tiêu chuẩn IEC được sử dụng trong hệ thống các chương trình đánh giá sự phù hợp đối với thiết bị điện, điện tử của Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế (IECEE CB Scheme).

1.3.8. Kiểu/loại (model/type): Chuỗi ký tự được đặt cho sản phẩm để phân biệt giữa các sản phẩm. Các sản phẩm cùng kiểu/loại thì có cùng tên gọi, nhãn hiệu, thiết kế, cấu tạo và tính năng kỹ thuật. Tùy theo quy định của từng nhà sản xuất, đôi khi các sản phẩm có cùng kiểu/loại nhưng có thể khác màu hoặc khác phụ kiện.

1.3.9. Lô hàng: Các sản phẩm có cùng kiểu/loại với số lượng xác định thuộc cùng 1 tờ khai hàng hóa nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc thuộc cùng 1 lần đăng ký chứng nhận hợp quy đối với hàng hóa sản xuất trong nước.

1.3.10. Họ sản phẩm: Các sản phẩm khác kiểu/loại nhưng có cùng thiết kế cơ bản. Xác định họ sản phẩm theo hướng dẫn tại Phụ lục D.

1.3.11. Mẫu đại diện lô hàng: Mẫu được lấy ngẫu nhiên từ lô hàng để đại diện cho cả lô hàng.

1.3.12. Mẫu đại diện họ sản phẩm: Mẫu được chọn trong một họ sản phẩm để đại diện cho cả họ sản phẩm. Xác định mẫu đại diện họ sản phẩm theo hướng dẫn tại Phụ lục D

1.3.13. Thử nghiệm mẫu: Thử nghiệm trên mẫu đại diện lô hàng để làm căn cứ đánh giá, chứng nhận lô hàng.

1.3.14. Thử nghiệm điển hình: Thử nghiệm trên mẫu sản phẩm hoặc mẫu đại diện họ sản phẩm nhằm xác định sản phẩm hoặc họ sản phẩm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật của quy chuẩn kỹ thuật này.

1.3.15. IECEE: Hệ thống các chương trình đánh giá sự phù hợp của IEC dành cho các linh kiện và thiết bị kỹ thuật điện.

1.3.16. IECEE Test Report Form: Biểu mẫu kết quả thử nghiệm theo tiêu chuẩn IEC được soạn thảo bởi Cơ quan chứng nhận quốc gia (NCB) và được phát hành bởi IECEE.

2. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

2.1. Yêu cầu về an toàn

Thiết bị điện phải phù hợp với các tiêu chuẩn tương ứng nêu trong Danh mục thiết bị điện.

2.2. Quy định về điều kiện khí hậu

Đối với các yêu cầu thử nghiệm có liên quan đến điều kiện khí hậu thì áp dụng điều kiện khí hậu nhiệt đới.

3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

3.1. Thiết bị điện sản xuất trong nước phải được công bố hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này và được gắn dấu hợp quy trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.

3.2. Thiết bị điện nhập khẩu phải được kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa thông qua việc xem xét hoạt động công bố hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này và được gắn dấu hợp quy trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.

3.3. Công bố hợp quy cho thiết bị điện phải dựa trên kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức chứng nhận được chỉ định.

3.4. Sử dụng phương thức đánh giá sự phù hợp là phương thức 7 hoặc phương thức 5 để thực hiện chứng nhận hợp quy cho các thiết bị điện quy định tại Phụ lục A của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này.

3.5. Sử dụng phương thức đánh giá sự phù hợp là phương thức 1 để thực hiện chứng nhận hợp quy cho các thiết bị điện quy định tại Phụ lục B của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này.

3.6. Hiệu lực của Giấy chứng nhận hợp quy

Giấy chứng nhận hợp quy theo Phương thức 7 chỉ có giá trị đối với lô hàng đã được chứng nhận hợp quy.

Giấy chứng nhận hợp quy theo Phương thức 1 hoặc Phương thức 5 có hiệu lực không quá 3 năm kể từ ngày phát hành Giấy chứng nhận.

3.7. Quy định về thử nghiệm

3.7.1. Thử nghiệm phục vụ chứng nhận hợp quy phải được thực hiện bởi tổ chức thử nghiệm được chỉ định hoặc được thừa nhận theo quy định tại Điều 3.8 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này.

3.7.2. Khuyến khích các tổ chức thử nghiệm xây dựng mẫu kết quả thử nghiệm điển hình dựa trên IECEE Test Report Form. Kết quả thử nghiệm điển hình phải thể hiện đầy đủ các nội dung sau:

- Đầy đủ các nội dung thử nghiệm theo yêu cầu kỹ thuật của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này;

- Các ảnh màu chụp bên ngoài, bên trong và nhãn của sản phẩm. Ảnh chụp phải thể hiện được hình dạng, kết cấu, phân bố linh kiện và chi tiết của các linh kiện, bộ phận quan trọng đối với sự an toàn của sản phẩm;

- Danh mục các linh kiện chính thể hiện rõ tên linh kiện, ký mã hiệu, thông số kỹ thuật, dấu chứng nhận in trên linh kiện và số giấy chứng nhận phù hợp đã cấp cho linh kiện này (nếu có);

- Mô tả các chi tiết khác biệt của các kiểu sản phẩm trong họ sản phẩm và phân tích lý do tại sao mẫu được chọn thử nghiệm là mẫu đại diện cho họ sản phẩm nếu thử nghiệm điển hình trên họ sản phẩm.

3.8. Nguyên tắc thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp

3.8.1. Tổ chức chứng nhận xem xét và thừa nhận các kết quả đánh giá sự phù hợp do các tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài đã được Việt Nam thừa nhận trong khuôn khổ các hiệp định, thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau mà Việt Nam đã ký kết.

3.8.2. Tổ chức chứng nhận có thể ký kết thỏa thuận thừa nhận kết quả thử nghiệm hoặc sử dụng tổ chức thử nghiệm nước ngoài có đủ năng lực thực hiện các yêu cầu kỹ thuật của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này nếu tổ chức thử nghiệm đó được tổ chức công nhận là thành viên của APAC hoặc ILAC công nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 trong phạm vi thừa nhận.

Việc ký kết thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau phải được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc ký kết và thực hiện các Hiệp định và Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp.

3.8.3. Tổ chức chứng nhận có thể xem xét sử dụng kết quả thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm nước ngoài để phục vụ chứng nhận. Tổ chức thử nghiệm nước ngoài có kết quả thử nghiệm được sử dụng phải được các tổ chức công nhận là thành viên của APAC hoặc ILAC công nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025. Phạm vi được công nhận của tổ chức thử nghiệm nước ngoài phải bao gồm các tiêu chuẩn và sản phẩm nêu trong kết quả thử nghiệm được sử dụng.

3.8.4. Tổ chức chứng nhận được phép xem xét thừa nhận, sử dụng các kết quả thử nghiệm theo các phiên bản tiêu chuẩn mới hơn so với các phiên bản tiêu chuẩn quy định trong Danh mục thiết bị điện.

3.8.5. Các kết quả thử nghiệm điển hình được thừa nhận, sử dụng phải phù hợp với quy định tại Điều 3.7.2. Khi thừa nhận, sử dụng kết quả thử nghiệm điển hình, tổ chức chứng nhận phải xem xét kết quả thử nghiệm điển hình để đảm bảo hình ảnh, kết cấu, linh kiện của sản phẩm được chứng nhận hoàn toàn phù hợp với hình ảnh, kết cấu, linh kiện của sản phẩm được mô tả trong kết quả thử nghiệm điển hình.

3.8.6. Định kỳ mỗi quý, tổ chức chứng nhận phải gửi báo cáo về việc thừa nhận, sử dụng kết quả đánh giá sự phù hợp đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia để theo dõi và quản lý. Khi cần thiết Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia sẽ tổ chức kiểm tra việc thừa nhận, sử dụng kết quả đánh giá sự phù hợp.

3.8.7. Khi thừa nhận, sử dụng kết quả đánh giá sự phù hợp của các tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài, tổ chức chứng nhận phải chịu trách nhiệm về việc thừa nhận, sử dụng này.

4. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

4.1. Trách nhiệm của tổ chức đánh giá sự phù hợp

4.1.1. Thực hiện đánh giá sự phù hợp theo đúng quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này và thực hiện các nghĩa vụ báo cáo về kết quả hoạt động đánh giá chứng nhận hợp quy đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia theo các quy định hiện hành.

4.1.2. Phải lưu trữ hồ sơ đánh giá sự phù hợp ít nhất mười (10) năm kể từ ngày hết hạn hiệu lực của giấy chứng nhận đối với phương thức 1 và phương thức 5 và từ ngày phát hành của giấy chứng nhận đối với phương thức 7.

4.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh

4.2.1. Cung cấp cho tổ chức chứng nhận các tài liệu kỹ thuật của thiết bị điện để phục vụ cho việc thử nghiệm điển hình và chứng nhận hợp quy khi có yêu cầu.

4.2.2. Cung cấp cho tổ chức chứng nhận các thông tin để thể hiện trên giấy chứng nhận như tên nhà sản xuất, địa chỉ nhà sản xuất và các thông số danh định của sản phẩm. Tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin này.

4.2.3. Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị điện thuộc phạm vi quy định tại Điều 1.1.

4.2.4. Đảm bảo các thiết bị điện được sản xuất, nhập khẩu và đưa ra lưu thông trên thị trường phải có kết cấu, linh kiện và chất lượng phù hợp với hồ sơ đã công bố hợp quy.

4.2.5. Thông báo đến tổ chức chứng nhận khi có thay đổi thiết kế trên sản phẩm đã được chứng nhận.

4.2.6. Đảm bảo các thiết bị điện phải được công bố hợp quy và gắn dấu hợp quy (CR) trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.

4.2.7. Thu hồi các thiết bị điện đã lưu thông trên thị trường và chịu các hình thức xử phạt theo quy định của pháp luật khi phát hiện hàng hóa không phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật và gây mất an toàn do lỗi của nhà sản xuất, kinh doanh.

4.2.8. Tổ chức, cá nhân, thực hiện công bố hợp quy, phải lưu trữ hồ sơ công bố hợp quy và hồ sơ kỹ thuật của thiết bị điện đã được công bố hợp quy ít nhất mười (10) năm kể từ ngày công bố hợp quy.

4.3. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước được quy định tại Điều 17 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN và Điều 14 Thông tư 06/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 12 năm 2020.

5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này.

5.2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.

Trong trường hợp các tiêu chuẩn được viện dẫn trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này có sự thay đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

5.3. Trường hợp Việt Nam tham gia, ký kết các hiệp định song phương hoặc đa phương thì thực hiện theo các quy định tại các hiệp định đó./.

PHỤ LỤC A

Danh mục các thiết bị điện phải chứng nhận hợp quy theo phương thức 5 hoặc phương thức 7

TT	Tên sản phẩm	Mã hàng (HS)	Tiêu chuẩn áp dụng
1.	Áptômát bảo vệ quá dòng dùng cho điện xoay chiều, dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (MCB) dòng điện danh định không quá 63 A	85362011 85362012 85362013 85362091 85362099	TCVN 6434-1:2018 (IEC 60898-1:2015)
2.	Áptômát tác động bằng dòng dư, có bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (RCBO) dòng điện danh định không quá 63 A	85365020	TCVN 6951-1:2007 (IEC 61009-1:2003)

Ghi chú: *Không bao gồm chỉ tiêu thử nghiệm ngắn mạch đối với MCB, RCBO.*

PHỤ LỤC B

Danh mục các thiết bị điện phải chứng nhận hợp quy theo phương thức 1

TT	Tên sản phẩm	Mã hàng (HS)	Tiêu chuẩn áp dụng
1.	Ổ cắm điện dùng trong gia đình có dòng diện danh định không vượt quá 32 A	85366992 85366999	TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002) TCVN 6188-2-3:2016 (IEC 60884-2-3:2006) TCVN 6188-2-6:2016 (IEC 60884-2-6:1997)
2.	Phích cắm điện dùng trong gia đình có dòng diện danh định không vượt quá 32 A	85366992 85366999	TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002) TCVN 6188-2-1:2008 (IEC 60884-2-1:2006)
3.	Bộ chuyển đổi ổ cắm dùng trong gia đình có dòng diện danh định không vượt quá 32 A	85366992 85366999	TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002) TCVN 6188-2-5:2016 (IEC 60884-2-5:1995)
4.	Bộ dây nguồn nối dài dùng trong gia đình có dòng diện danh định không vượt quá 32 A	85369094 85369099	TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002) TCVN 6188-2-7:2016 (IEC 60884-2-7:2013)
5.	Công tắc điện dùng trong gia đình có dòng diện danh định không vượt quá 20 A	85365061 85365069	TCVN 6480-1:2008 (IEC 60669-1:2007)
6.	Áptômát tác động bằng dòng dư, không có bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (RCCB) dòng điện danh định không quá 63 A	85365020	TCVN 6950-1:2007 (IEC 61008-1:2006)

Ghi chú: *Không bao gồm chỉ tiêu thử nghiệm ở điều kiện ngắn mạch đối với RCCB.*

PHỤ LỤC C
HƯỚNG DẪN CHỨNG NHẬN HỢP QUY

C.1. Quy trình chứng nhận hợp quy

Tổ chức chứng nhận phải xây dựng quy trình chứng nhận dựa trên các yêu cầu, hướng dẫn của các văn bản sau:

- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;
- Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN;
- Thông tư 06/2020/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP;
- Tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17067:2015 Đánh giá sự phù hợp – Nguyên tắc cơ bản trong chứng nhận sản phẩm và hướng dẫn về chương trình chứng nhận sản phẩm với các chương trình 1a, 1b, 5 tương ứng với các phương thức 1, 7, 5 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN;
- Tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC TR 17026:2016 Đánh giá sự phù hợp – Ví dụ về chương trình chứng nhận sản phẩm hữu hình;
- Tiêu chuẩn TCVN ISO 19011:2018 Hướng dẫn đánh giá hệ thống quản lý.

Quy trình chứng nhận sẽ được Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia kiểm tra, xem xét khi cần thiết.

C.2. Hướng dẫn lấy mẫu và thử nghiệm

Ngoại trừ các thử nghiệm được thực hiện bởi nhà sản xuất, thử nghiệm nêu trong các mục bên dưới đây phải được thực hiện bởi tổ chức thử nghiệm được chỉ định hoặc được thừa nhận theo quy định tại Điều 3.8 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này.

C.2.1. Quy định chung về thử nghiệm điển hình và xem xét kết quả thử nghiệm điển hình

Thử nghiệm điển hình được thực hiện trên mẫu sản phẩm hoặc trên mẫu đại diện họ sản phẩm.

Xác định họ sản phẩm và chọn mẫu đại diện họ sản phẩm theo hướng dẫn tại Phụ lục D.

Mẫu dùng cho thử nghiệm thử nghiệm điển hình cần phải:

- Đại diện cho sản phẩm được chứng nhận;
- Được tạo ra từ các chi tiết, bộ phận lắp ráp đã được phê duyệt để sử dụng trong sản xuất;
- Được tạo ra nhờ các công cụ sản xuất và được lắp ráp theo các phương pháp đã được lập cho các sản phẩm được chứng nhận.

Số lượng mẫu thử nghiệm điển hình phải đủ để thử nghiệm đầy đủ các nội dung theo quy định của tiêu chuẩn áp dụng và lưu 01 mẫu cho mỗi kiểu sản phẩm.

Trường hợp tổ chức, cá nhân yêu cầu chứng nhận cung cấp được kết quả thử nghiệm điển hình do các tổ chức thử nghiệm được chỉ định hoặc được thừa nhận thực hiện thì tổ chức chứng nhận phải tiến hành xem xét, đánh giá nội dung của kết quả thử nghiệm điển hình đã đầy đủ và phù hợp với tiêu chẩn áp dụng. Tổ chức chứng nhận cũng cần phải xem xét, đánh giá sự phù hợp giữa sản phẩm được chứng nhận và thông tin về hình ảnh, kết cấu, linh kiện nêu trong kết quả thử nghiệm điển hình đã được tổ chức, cá nhân yêu cầu chứng nhận cung cấp.

C.2.2. Thử nghiệm trong chứng nhận theo phương thức 1

Thử nghiệm điển hình cho chứng nhận lần đầu phải bao gồm toàn bộ các nội dung thử nghiệm theo quy định của tiêu chuẩn áp dụng. Ngoại trừ thử nghiệm ngắn mạch đối với RCCB.

Trong các lần chứng nhận lại, nếu kết quả xem xét trên mẫu sản phẩm cho thấy sản phẩm không thay đổi về kết cấu, linh kiện thì không cần thử nghiệm lại.

Nếu trong thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận, doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận có thông báo đến tổ chức chứng nhận các thay đổi về kết cấu, linh kiện

trên sản phẩm đã được chứng nhận hoặc khi xem xét trên mẫu sản phẩm trong đánh giá chứng nhận lại cho thấy sản phẩm đã bị thay đổi về kết cấu, linh kiện mà các thay đổi này có thể làm ảnh hưởng đến kết quả thử nghiệm của một hoặc nhiều nội dung được quy định trong tiêu chuẩn áp dụng thì phải thử nghiệm lại các nội dung có thể bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi này.

C.2.3. Lấy mẫu và thử nghiệm trong chứng nhận theo phương thức 5

C.2.3.1. Lấy mẫu và thử nghiệm điển hình

Thử nghiệm điển hình cho chứng nhận lần đầu phải bao gồm toàn bộ các nội dung thử nghiệm theo quy định của tiêu chuẩn áp dụng. Ngoại trừ thử nghiệm ngắn mạch đối với MCB, RCBO.

Trong các lần chứng nhận lại, chỉ cần lấy mẫu đủ để thử nghiệm các nội dung thử nghiệm theo quy định tại bảng C.1 và lưu 01 mẫu cho mỗi kiểu sản phẩm.

Khi kết quả đánh giá quá trình sản xuất cho thấy có thay đổi về linh kiện, vật liệu sử dụng trong sản phẩm hoặc công nghệ và thiết bị sản xuất sản phẩm mà các thay đổi này có thể làm ảnh hưởng đến kết quả thử nghiệm của một hoặc nhiều nội dung quy định trong tiêu chuẩn áp dụng nhưng không được liệt kê trong bảng C.1 thì cũng phải xem xét thử nghiệm các nội dung có thể bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi trong lần chứng nhận lại.

Mẫu dùng cho thử nghiệm trong chứng nhận lại phải được lấy tại nơi sản xuất.

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn áp dụng	Nội dung thử nghiệm khi chứng nhận lại theo phương thức 5
1	Áptômát bảo vệ quá dòng dùng cho điện xoay chiều, dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (MCB) dòng điện danh định không	TCVN 6434-1:2018 (IEC 60898-1:2015)	- Độ bền không phai của nhãn - Đặc tính điện môi và khả năng cách ly - Độ tăng nhiệt - Thử nghiệm 28 ngày - Đặc tính cắt - Độ bền cơ và độ bền điện

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn áp dụng	Nội dung thử nghiệm khi chứng nhận lại theo phương thức 5
	quá 63 A		
2	Áptômát tác động bằng dòng dư, có bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (RCBO) dòng điện danh định không quá 63 A	TCVN 6951-1:2007 (IEC 61009-1:2003)	- Độ bền ghi nhãn - Đặc tính điện môi - Độ tăng nhiệt - Đặc tính tác động - Độ bền cơ và độ bền điện - Cơ cấu truyền động ưu tiên cắt - Hoạt động của cơ cấu kiểm tra ở các giới hạn của điện áp danh định - Hoạt động của RCBO trong trường hợp sự cố điện áp lưới - Các giá trị giới hạn của dòng không tác động ở điều kiện quá dòng - Khả năng chống các tác động không mong muốn do dòng điện tăng đột ngột - Khả năng cách điện chịu điện áp xung - Hoạt động của RCBO trong trường hợp dòng sự cố chạm đất có thành phần 1 chiều - Lão hóa các linh kiện điện tử

Bảng C.1 – Chỉ tiêu thử nghiệm trong chứng nhận lại theo phương thức 5

C.2.3.2. Lấy mẫu và thử nghiệm trong đánh giá giám sát

Trong 1 chu kỳ chứng nhận, mỗi kiểu sản phẩm phải được lấy mẫu và thử

nghiệm ít nhất 1 lần để đánh giá giám sát.

CHÚ THÍCH: Trong trường hợp đã xác định được họ sản phẩm thì trong 1 chu kỳ chứng nhận, tối thiểu 50% số kiểu sản phẩm trong một họ sản phẩm phải được lấy mẫu và thử nghiệm ít nhất 1 lần để đánh giá giám sát. Trong các chu kỳ liên tiếp nhau nên lựa chọn để có thể lấy mẫu giám sát tất cả các kiểu sản phẩm trong cùng họ sản phẩm.

Mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường.

Các chỉ tiêu thử nghiệm để đánh giá giám sát là các chỉ tiêu thử nghiệm mẫu được quy định tại bảng C.2.

Số lượng mẫu được lấy để thử nghiệm phải đủ để thử nghiệm các chỉ tiêu thử nghiệm giám sát.

C.2.3.3. Thử nghiệm bởi nhà sản xuất

Trong đánh giá chứng nhận theo phương thức 5, với các sản phẩm mà tiêu chuẩn áp dụng có quy định về thử nghiệm mẫu (Sample test) và thử nghiệm thường xuyên (Routine test) thì nhà sản xuất phải thực hiện các quy định sau:

- Phải có thủ tục quy định về định kỳ lấy mẫu để thử nghiệm các chỉ tiêu thử nghiệm mẫu;
- Phải thử nghiệm đầy đủ các chỉ tiêu thử nghiệm thường xuyên trên các sản phẩm xuất xưởng.

CHÚ THÍCH: Có thể thay thế phép thử thường xuyên theo quy định của tiêu chuẩn áp dụng bằng một phép thử khác nếu có thể chứng minh phép thử này là tương đương với phép thử thường xuyên theo quy định.

C.2.4. Lấy mẫu và thử nghiệm trong chứng nhận theo phương thức 7

Chỉ kết luận lô hàng phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của quy chuẩn kỹ thuật này khi:

- Kết quả thử nghiệm điển hình của sản phẩm phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn áp dụng. Thử nghiệm điển hình phải bao gồm toàn bộ các nội dung thử nghiệm theo quy định của tiêu chuẩn áp dụng. Ngoại trừ thử nghiệm ngắn mạch đối với MCB, RCBO;

CHÚ THÍCH: Kết quả thử nghiệm điển hình có thể là kết quả thử nghiệm trên mẫu lấy từ lô hàng hoặc là kết quả thử nghiệm điển hình đã được thực hiện trước khi lô hàng sản xuất

hoặc nhập khẩu. Thử nghiệm điển hình và xem xét chấp nhận kết quả thử nghiệm điển hình theo quy định tại mục C.2.1.

- Kết quả thử nghiệm mẫu trên các mẫu đại diện lô hàng phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn áp dụng.

Số lượng mẫu đại diện lô hàng và các chỉ tiêu thử nghiệm mẫu được quy định trong bảng C.2

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn áp dụng	Số mẫu đại diện lô hàng (a)	Chỉ tiêu thử nghiệm mẫu/giám sát
1	Áptômát bảo vệ quá dòng dùng cho điện xoay chiều, dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (MCB) dòng điện danh định không quá 63 A	TCVN 6434-1:2018 (IEC 60898-1:2015)	Mỗi 2000 sản phẩm lấy 03 mẫu	- Đặc tính điện môi và khả năng cách ly - Đặc tính cắt
2	Áptômát tác động bằng dòng dư, có bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (RCBO) dòng điện danh định không quá 63 A	TCVN 6951-1:2007 (IEC 61009-1:2003)	Mỗi 2000 sản phẩm lấy 03 mẫu	- Đặc tính điện môi - Đặc tính tác động

CHÚ THÍCH: Đối với các lô hàng có số lượng lớn hơn 2000 sản phẩm thì chia lô hàng thành các lô nhỏ có số lượng mỗi lô là 2000 sản phẩm hoặc nhỏ hơn để lấy mẫu.

Bảng C.2 – Số lượng mẫu đại diện lô hàng và chỉ tiêu thử nghiệm mẫu

Trường hợp kết quả thử nghiệm điển hình trên mẫu lấy từ lô hàng không phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng thì tổ chức chứng nhận có thể lấy bổ sung mẫu và thử

nghiệm lại để loại trừ trường hợp ngẫu nhiên mẫu có chất lượng kém được chọn làm mẫu thử nghiệm điển hình.

Trường hợp lô hàng nhập khẩu có số lượng ít (từ 15 sản phẩm/mỗi kiểu loại trở xuống), doanh nghiệp/cá nhân nhập khẩu có công văn cam kết nhập khẩu sản phẩm để sử dụng nội bộ, không bán ra thị trường và chịu mọi trách nhiệm liên quan đến an toàn của sản phẩm theo QCVN 25:2025/BKHCN đối với sản phẩm nhập khẩu thì tổ chức chứng nhận có thể chỉ thử nghiệm các chỉ tiêu thử nghiệm nêu trong bảng C.3 trên 01 mẫu lấy từ lô hàng để đánh giá sự phù hợp của lô hàng với QCVN 25:2025/BKHCN mà không cần phải xem xét sự phù hợp của kết quả thử nghiệm điển hình.

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn áp dụng	Chỉ tiêu thử nghiệm
1.	Áptômát bảo vệ quá dòng dùng cho điện xoay chiều, dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (MCB) dòng điện danh định không quá 63 A	TCVN 6434-1:2018 (IEC 60898-1:2015)	- Đặc tính điện môi và khả năng cách ly - Đặc tính cắt
2.	Áptômát tác động bằng dòng dư, có bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (RCBO) dòng điện danh định không quá 63 A	TCVN 6951-1:2007 (IEC 61009-1:2003)	- Đặc tính điện môi - Đặc tính tác động
3.	Ổ cắm điện dùng trong gia đình có dòng diện danh định không vượt quá 32 A	TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002) TCVN 6188-2-3:2016 (IEC 60884-2-3:2006) TCVN 6188-2-6:2016 (IEC 60884-2-6:1997)	- Ghi nhãn - Bảo vệ chống điện giật - Yêu cầu nối đất - Đầu nối và đầu cốt - Điện trở cách điện và độ bền điện (ở nhiệt độ

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn áp dụng	Chỉ tiêu thử nghiệm
			môi trường (20 ± 5) °C) - Độ tăng nhiệt
4.	Phích cắm điện dùng trong gia đình có dòng diện danh định không vượt quá 32 A	TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002) TCVN 6188-2-1:2008 (IEC 60884-2-1:2006)	- Ghi nhãn - Bảo vệ chống điện giật - Yêu cầu nối đất - Đầu nối và đầu cốt - Điện trở cách điện và độ bền điện (ở nhiệt độ môi trường (20 ± 5) °C) - Độ tăng nhiệt
5.	Bộ chuyển đổi ổ cắm dùng trong gia đình có dòng diện danh định không vượt quá 32 A	TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002) TCVN 6188-2-5:2016 (IEC 60884-2-5:1995)	- Ghi nhãn - Bảo vệ chống điện giật - Yêu cầu nối đất - Điện trở cách điện và độ bền điện (ở nhiệt độ môi trường (20 ± 5) °C) - Độ tăng nhiệt
6.	Bộ dây nguồn nối dài dùng trong gia đình có dòng diện danh định không vượt quá 32 A	TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002) TCVN 6188-2-7:2016 (IEC 60884-2-7:2013)	Phích cắm điện thử các chỉ tiêu theo mục 4 của bảng này. Ổ cắm điện thử

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn áp dụng	Chỉ tiêu thử nghiệm
			các chỉ tiêu theo mục 3 của bảng này. Dây điện phải phù hợp với quy định tại Điều 14.2 của TCVN 6188-2-7 và phải có điện trở 1 chiều và chiều dày cách điện phù hợp với TCVN 6610 hoặc TCVN 9615 phần tương ứng với loại dây.
7.	Công tắc điện dùng trong gia đình có dòng diện danh định không vượt quá 20 A	TCVN 6480-1:2008 (IEC 60669-1:2007)	- Ghi nhãn - Bảo vệ chống điện giật - Đầu nối - Điện trở cách điện và độ bền điện (ở nhiệt độ môi trường (20 ± 5) °C) - Độ tăng nhiệt - Khả năng đóng và khả năng cắt
8.	Áptômát tác động bằng dòng dư, không có bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (RCCB) dòng điện danh định không quá 63 A	TCVN 6950-1:2007 (IEC 61008-1:2006)	- Đặc tính điện môi - Đặc tính tác động

Bảng C.3 – Chỉ tiêu thử nghiệm áp dụng cho trường hợp nhập khẩu số lượng ít

Trường hợp kết quả thử nghiệm mẫu đại diện lô hàng không phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng thì cho phép lấy lại mẫu lần 2 với số lượng mẫu gấp đôi số lượng mẫu lấy lần 1. Lô hàng chỉ được đánh giá là phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của quy chuẩn khi kết quả thử nghiệm mẫu trên tất cả các mẫu được lấy lần 2 đều phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng.

C.3. Hồ sơ chứng nhận

Tổ chức chứng nhận phải thiết lập hồ sơ chứng nhận để chứng minh đã thực hiện quá trình chứng nhận sản phẩm đúng theo hướng dẫn của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN và TCVN ISO/IEC TR 17026:2016.

Tổ chức chứng nhận phải lưu trữ hồ sơ kỹ thuật của sản phẩm được chứng nhận, bao gồm các nội dung sau:

- Tài liệu kỹ thuật bao gồm bản mô tả đặc tính kỹ thuật của sản phẩm; sơ đồ mạch điện; danh mục các linh kiện, bộ phận chính; hướng dẫn sử dụng; hướng dẫn lắp đặt sản phẩm;
- Các ảnh màu chụp bên ngoài, bên trong và nhãn của sản phẩm. Ảnh chụp phải thể hiện được hình dạng, kết cấu, phân bố linh kiện và chi tiết của các linh kiện, bộ phận quan trọng đối với sự an toàn của sản phẩm. Tổ chức chứng nhận có thể phối hợp với tổ chức thử nghiệm để được cung cấp hình chụp sản phẩm từ tổ chức thử nghiệm mà không phải chụp lại ảnh sản phẩm.
- Danh mục các linh kiện chính thể hiện rõ tên linh kiện, ký mã hiệu, thông số kỹ thuật, dấu chứng nhận in trên linh kiện và số giấy chứng nhận phù hợp đã cấp cho linh kiện này (nếu có);
- Bảng mô tả chi tiết khác biệt của các kiểu sản phẩm trong họ sản phẩm và phân tích lý do tại sao mẫu được chọn thử nghiệm điển hình là mẫu đại diện cho họ sản phẩm nếu có đánh giá trên họ sản phẩm;
- Kết quả thử nghiệm điển hình của sản phẩm hoặc họ sản phẩm;
- Đối với đánh giá chứng nhận theo phương thức 7, hồ sơ kỹ thuật cần phải có thêm các kết quả thử nghiệm trên mẫu đại diện lô hàng và kết quả đánh giá sự phù hợp của mẫu lấy từ lô hàng với mẫu được thử nghiệm điển hình
- Đối với đánh giá chứng nhận theo phương thức 5, hồ sơ kỹ thuật cần phải có thêm các kết quả thử nghiệm trong giám sát, chứng nhận lại;

Nếu có thừa nhận, sử dụng các kết quả thử nghiệm đã có trước khi đánh giá

chứng nhận thì hồ sơ kỹ thuật phải có kết quả đánh giá sự phù hợp của mẫu sản phẩm được chứng nhận với mô tả đặc tính kỹ thuật sản phẩm, hình ảnh, kết cấu và danh mục linh kiện chính thể hiện trong kết quả thử nghiệm điển hình được thừa nhận, sử dụng.

C.4. Giám sát sau chứng nhận

Trong thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận theo phương thức 5, tổ chức chứng nhận phải tiến hành đánh giá giám sát định kỳ với tần suất không quá 12 tháng/1 lần hoặc đánh giá giám sát đột xuất khi có phản ánh hoặc khi phát hiện hàng hóa trên thị trường có vấn đề về chất lượng.

Trong thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận theo phương thức 1, khi có phản ánh hoặc khi phát hiện hàng hóa trên thị trường có vấn đề về chất lượng, tổ chức chứng nhận phải tiến hành đánh giá giám sát đột xuất bằng cách lấy mẫu tại kho của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hoặc lấy mẫu trên thị trường và tiến hành thử nghiệm lại trên các mẫu này để có kết luận về vấn đề chất lượng của sản phẩm đã được chứng nhận.

C.5. Đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận

Trong trường hợp có bằng chứng về sự không phù hợp của sản phẩm thông qua đánh giá giám sát định kỳ, đột xuất hoặc tổ chức, cá nhân yêu cầu chứng nhận hợp quy không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2, Điều 49 của Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, tùy theo mức độ vi phạm, tổ chức chứng nhận thực hiện các biện pháp xử lý thích hợp như đình chỉ giấy chứng nhận với thời gian đình chỉ không quá 3 tháng hoặc hủy bỏ hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận.

Khi bị đình chỉ, tổ chức, cá nhân vi phạm phải dừng đưa ra thị trường các sản phẩm đã bị đình chỉ, phải có biện pháp xử lý thích hợp đối với các sản phẩm không phù hợp đã lưu thông trên thị trường và khắc phục các nội dung vi phạm. Nếu quá thời gian đình chỉ mà tổ chức, cá nhân vi phạm không hoàn tất việc khắc phục các nội dung vi phạm thì tổ chức chứng nhận xem xét thực hiện biện pháp hủy bỏ hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận.

Khi bị hủy bỏ hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận, tổ chức, cá nhân vi phạm

phải dừng đưa ra thị trường sản phẩm đã bị thu hồi Giấy chứng nhận và phải có biện pháp xử lý thích hợp đối với toàn bộ các sản phẩm không phù hợp đã lưu thông trên thị trường.

C.6. Xử lý đối với lô hàng không phù hợp quy chuẩn

Trường hợp kết quả thử nghiệm, đánh giá cho thấy sản phẩm, lô hàng nhập khẩu không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật và tổ chức, cá nhân yêu cầu chứng nhận không thể khắc phục các điểm không phù hợp này thì tổ chức chứng nhận phát hành thông báo không phù hợp gửi đến tổ chức, cá nhân đã yêu cầu chứng nhận, đồng thời gửi đến các cơ quan quản lý nhà nước liên quan để phối hợp giám sát, xử lý và báo cáo với Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia theo quy định.

Trường hợp kết quả thử nghiệm theo các phiên bản tiêu chuẩn nêu trong Danh mục thiết bị điện không phù hợp nhưng lại phù hợp khi thử nghiệm theo các phiên bản tiêu chuẩn mới hơn thì kết quả thử nghiệm theo các phiên bản tiêu chuẩn mới hơn được chấp nhận làm căn cứ để chứng nhận hợp quy.

PHỤ LỤC D

HƯỚNG DẪN VỀ HỌ SẢN PHẨM VÀ CHỌN MẪU ĐẠI DIỆN HỌ SẢN PHẨM

D.1. Tài liệu tham khảo

Hướng dẫn này được xây dựng dựa trên hướng dẫn OD-2041 Ed 2.0 - Guide on Product Families, Family Ranges or Series of Products của IECEE.

D.2. Định nghĩa về họ sản phẩm

Để giảm chi phí và thời gian thử nghiệm, các kiểu sản phẩm có cùng đặc trưng được đưa vào cùng một họ sản phẩm và chỉ thử nghiệm điển hình trên 1 kiểu hoặc vài kiểu sản phẩm để đại diện cho cả họ sản phẩm.

Định nghĩa về họ sản phẩm như sau:

Tất cả các kiểu sản phẩm trong cùng một họ sản phẩm thì có cùng thiết kế, cấu trúc, linh kiện hoặc các bộ phận thiết yếu nhằm đảm bảo sự phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn.

Các yếu tố có thể ảnh hưởng đến an toàn của sản phẩm trên các kiểu sản phẩm trong cùng họ sản phẩm là như nhau.

Tùy theo loại sản phẩm mà các kiểu sản phẩm trong cùng một họ sản phẩm có thể có một số khác biệt như kích thước, màu sắc, hình dạng bên ngoài và cũng có thể có khác biệt về thông số điện như dòng điện danh định, dòng điện tác động... nhưng bản chất của sự khác biệt này không làm khác đi sự ảnh hưởng đến an toàn của 1 kiểu sản phẩm so với các kiểu sản phẩm khác trong cùng họ sản phẩm.

Nếu tiêu chuẩn áp dụng cho sản phẩm đã có hướng dẫn xác định họ sản phẩm thì xác định họ sản phẩm theo hướng dẫn của tiêu chuẩn áp dụng.

Với các thiết bị dùng cho lắp đặt điện, thông thường nhà sản xuất cũng đã phân loại các kiểu sản phẩm theo họ sản phẩm. Các gợi ý sau được tham khảo để xác định họ sản phẩm.

D.2.1. Công tắc điện

- Có cùng dòng điện danh định, cấu trúc tiếp điểm, đế của tiếp điểm và bộ truyền động.

D.2.2. Ổ cắm, phích cắm

- Có cùng dòng điện danh định, cấu trúc bộ phận tiếp xúc điện, đế của bộ phận tiếp xúc điện.

D.2.3. Bộ chuyển đổi ổ cắm, bộ dây nguồn nối dài

- Tham khảo D.2.2;
- Có cùng chủng loại và tiết diện dây nối.

D.2.4. MCB, RCBO, RCCB

- MCB theo Phụ lục C – TCVN 6434-1:2018
- RCBO theo Phụ lục A – TCVN 6951-1:2007
- RCCB theo Phụ lục A – TCVN 6950-1:2007

D.3. Chọn mẫu đại diện họ sản phẩm

Kiểu sản phẩm hoặc nhóm các kiểu sản phẩm được chọn đại diện cho họ sản phẩm phải là các kiểu sản phẩm có khả năng không phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn cao nhất.

Một số ví dụ về chọn mẫu đại diện:

TT	Sản phẩm	Chọn mẫu đại diện họ sản phẩm
5	Ổ cắm, phích cắm, bộ chuyển đổi ổ cắm, bộ dây nguồn nối dài	Kiểu có cấu hình tối đa. Ưu tiên chọn các kiểu thông dụng, số lượng sản xuất nhiều hơn các loại khác
6	MCB, RCBO, RCCB	Theo hướng dẫn của tiêu chuẩn áp dụng

PHỤ LỤC E

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY THEO PHƯƠNG THỨC 1 HOẶC PHƯƠNG THỨC 5

Tên Tổ chức Chứng nhận

(logo nếu có)

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số:

Sản phẩm: (Tên sản phẩm, nhãn hiệu, kiểu, thông số kỹ thuật cơ bản)

Doanh nghiệp/cá nhân được cấp giấy chứng nhận:

(Tên và địa chỉ doanh nghiệp/cá nhân được cấp giấy chứng nhận)

Nhà sản xuất: (Tên và địa chỉ nhà sản xuất)

Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

QCVN 25:2025/BKHCN

ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG DẤU HỢP QUY (CR)

Phương thức chứng nhận:

Phương thức 1 (hoặc Phương thức 5)

(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Giấy chứng nhận có giá trị : *Từ ngày ..... đến ngày .....*

Mã số chứng nhận:

Đại diện có thẩm quyền của Tổ chức Chứng nhận

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu dấu hợp quy (CR)

Ghi chú: *Tổ chứng chứng nhận có thể thay đổi cách trình bày Giấy chứng nhận khác với biểu mẫu nêu trên nhưng nội dung Giấy chứng nhận phải thể hiện đầy đủ các nội dung như quy định trong biểu mẫu nêu trên.*

PHỤ LỤC F

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY THEO PHƯƠNG THỨC 7

Tên Tổ chức Chứng nhận

(logo nếu có)

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số:

Lô hàng hóa: (Tên sản phẩm, nhãn hiệu, kiểu, số lượng, thông số kỹ thuật cơ bản, các thông tin về lô hàng như hợp đồng, hóa đơn, vận đơn, tờ khai hàng hóa nhập khẩu)

Doanh nghiệp/cá nhân được cấp giấy chứng nhận:

(Tên và địa chỉ doanh nghiệp/cá nhân được cấp giấy chứng nhận)

Nhà sản xuất: (Tên và địa chỉ nhà sản xuất)

Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

QCVN 25:2025/BKHCN

ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG DẤU HỢP QUY (CR)

Phương thức chứng nhận:

Phương thức 7

(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Ngày cấp giấy chứng nhận:

Đại diện có thẩm quyền của Tổ chức Chứng nhận

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu dấu hợp quy (CR)

Ghi chú: *Tổ chứng chứng nhận có thể thay đổi cách trình bày Giấy chứng nhận khác với biểu mẫu nêu trên nhưng nội dung Giấy chứng nhận phải thể hiện đầy đủ các nội dung như quy định trong biểu mẫu nêu trên.*

PHỤ LỤC G

DẤU HỢP QUY

G.1. Hình dạng, kích thước và cách thể hiện dấu hợp quy

Hình dạng, kích thước và cách thể hiện của dấu hợp quy (dấu CR) được quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN.

G.2. Quy định về thông tin thể hiện trên dấu hợp quy

G.2.1. Dấu hợp quy dùng cho chứng nhận theo phương thức 1 hoặc phương thức 5

Dấu hợp quy và các thông tin thể hiện trên dấu hợp quy như sau

Trong đó:

ABC: Tên tổ chức chứng nhận (ghi tên viết tắt tiếng Việt hay tiếng nước ngoài của tổ chức chứng nhận với font chữ và kích thước thích hợp).

XYZ: Mã số chứng nhận do tổ chức chứng nhận cấp cho Doanh nghiệp/cá nhân được cấp giấy chứng nhận.

G.2.2. Dấu hợp quy dùng cho chứng nhận theo phương thức 7

Dấu hợp quy và các thông tin thể hiện trên dấu hợp quy như sau

Trong đó:

ABC: Tên tổ chức chứng nhận (ghi tên viết tắt tiếng Việt hay tiếng nước ngoài của tổ chức chứng nhận với font chữ và kích thước thích hợp).